

Số: 30/2023/QĐST - HNGĐ

Thạch Thất, ngày 14 tháng 03 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v: Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẮT – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Đỗ Ngọc Sơn
- Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất tham gia phiên họp:

Ông Lưu Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 14/2023/TLST-VDS ngày 15 tháng 02 năm 2023 về việc “Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Nguyễn Đức Th**, sinh năm 1971.
- Bà **Đỗ Thị M**, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã C, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, bản tự khai của ông Nguyễn Đức Th và bà Đỗ Thị M trình bày:

Ông Nguyễn Đức Th, sinh ngày 12/03/1971 và bà Đỗ Thị M, sinh ngày 12/8/1972, tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 10 năm 1990 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng ông bà có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và làm ăn sinh sống ổn định tại xã C cho tới nay.

Tại thời điểm đăng ký kết hôn, ông bà đều đã đủ tuổi đăng ký kết hôn, ông Nguyễn Đức Th 19 tuổi 6 tháng và bà Đỗ Thị M 19 tuổi. Tại hồ sơ đăng ký kết hôn có ghi nhận: “Họ tên chồng: Nguyễn Đức Th, ngày, tháng, năm sinh: 03/1970”. Khi đăng ký kết hôn vợ chồng ông bà chỉ khai thông tin cho cán bộ Tư pháp xã chứ không nộp giấy tờ tùy thân và cán bộ Tư pháp xã cũng không yêu cầu vợ chồng ông bà xuất trình giấy tờ tùy thân. Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn cho vợ chồng ông bà cán bộ Tư pháp xã đã ghi tên, tuổi, địa chỉ theo lời khai của ông bà. Từ khi kết hôn đến nay ông Th và bà M sinh sống hạnh phúc và sinh được 02 con chung.

Tuy nhiên, ông bà nhận thấy việc đăng ký kết hôn năm 1990 đã ghi sai năm sinh của ông Th, gây ảnh hưởng đến các quá trình làm thủ tục giấy tờ pháp lý cho gia đình và các con nên ông bà đề nghị Tòa án hủy Giấy đăng ký kết hôn số 36, ngày 08 tháng 10 năm 1990 do UBND xã C cấp và công nhận hôn nhân hợp pháp cho vợ chồng ông bà kể từ ngày ông bà đăng ký kết hôn là ngày 08/10/1990. Đồng thời xác nhận lại năm sinh của ông Nguyễn Đức Th là ngày 12/03/1971.

Về lệ phí: Ông Nguyễn Đức Th tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí Dân sự sơ thẩm.

Tại Biên bản xác minh ngày 23/02/2023, UBND xã C xác nhận: theo Sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 1990 lưu trữ tại UBND xã C, tại số thứ tự 36 ngày 08/10/1990 có đăng ký kết hôn cho bà Đỗ Thị M, sinh ngày 12/8/1972, nơi cư trú: xã C, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội và ông Nguyễn Đức Th, sinh ngày, tháng 03/1970, nơi cư trú: xã C, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

Ngoài sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 1990 thì UBND xã C không còn lưu trữ hồ sơ, tài liệu gì liên quan đến việc đăng ký kết hôn của ông Nguyễn Đức Th, sinh năm 1971 và bà Đỗ Thị M, sinh năm 1972. Tại thời điểm năm 1990 tất cả các trường hợp đến đăng ký kết hôn tự kê khai thông tin cá nhân và không nộp kèm theo giấy tờ tùy thân để lưu trữ hồ sơ đăng ký kết hôn.

Theo đó ông Nguyễn Đức Th bị ghi sai năm sinh. UBND xã C xác nhận ông Nguyễn Đức Th, sinh ngày 12/03/1971 (số căn cước công dân 001071020394 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/05/2021) và ông Nguyễn Đức Th, sinh tháng 03/1970 ghi trong Sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 1990 là một người.

Hiện tại, ông Th và bà M vẫn sinh sống hạnh phúc tại xã C. Nay ông Th và bà M đề nghị Tòa án hủy đăng ký kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp cho ông bà kể từ ngày đăng ký kết hôn là ngày 08 tháng 10 năm 1990 thì UBND xã C đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất thụ lý yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật theo yêu cầu của ông Th bà M là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 29 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết việc dân sự kể từ khi thụ lý cho đến phiên họp hôm nay: Thẩm phán, Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng giải quyết việc dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và trình bày của các đương sự. Đề nghị áp dụng Điều 149, Điều 367, Điều 369 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Hủy việc kết hôn trái pháp luật theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36, ngày 08/10/1990 của Ủy ban nhân dân xã C đã cấp cho ông Nguyễn Đức Th và bà Đỗ Thị M do sai năm sinh của ông Nguyễn Đức Th.

Công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp cho ông Nguyễn Đức Th và bà Đỗ Thị M từ ngày 08 tháng 10 năm 1990.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự và được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về yêu cầu “Hủy việc kết hôn trái pháp luật” và “Yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp từ thời điểm đăng ký kết hôn” của ông Nguyễn Đức Th và bà Đỗ Thị M đều đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp luật. Đây là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội theo quy định tại Điều 29 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật: Kèm theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, ông Nguyễn Đức Th và bà Đỗ Thị M đã nộp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Theo giấy khai sinh, các giấy tờ liên quan đến nhân thân thể hiện ông Nguyễn Đức Th- sinh ngày 12/03/1971, bà Đỗ Thị M- sinh ngày 12/8/1972. Do vậy, xác định trong đăng ký kết hôn số 36, ngày 08/10/1990 của UBND xã C ghi ông Nguyễn Đức Th, sinh tháng 03/1970 là sai năm sinh của ông Th. UBND xã C xác nhận: Ngoài sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 1990 thì UBND xã C không còn lưu trữ hồ sơ, tài liệu gì liên quan đến việc đăng ký kết hôn của ông Nguyễn Đức Th, sinh ngày 12/03/1971 với bà Đỗ Thị M- sinh ngày 12/8/1972.

Nay ông Nguyễn Đức Th và bà Đỗ Thị M yêu cầu Tòa án hủy việc đăng ký kết hôn số 36, ngày 08/10/1990 của UBND xã C do ghi nhầm năm sinh của ông Th là có căn cứ theo quy định tại Điều 5, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 nên được chấp nhận.

[3] Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp: Từ khi kết hôn đến nay, ông Nguyễn Đức Th và bà Đỗ Thị M vẫn đang chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có con chung. Ông Th và bà M đều có yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp từ thời điểm ông bà đăng ký kết hôn. Xét thấy, tại thời điểm ngày 08/10/1990, ông Thuận đã 19 tuổi 06 tháng 26 ngày, bà Minh đã trên 19 tuổi. Như vậy, ông Th và bà M đã đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Căn cứ Khoản 2, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa ông Nguyễn Đức Th và bà Đỗ Thị M từ thời điểm ông bà đăng ký kết hôn tại UBND xã C là ngày 08/10/1990.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Thuận tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 149, khoản 3 Điều 367, Điều 369, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Khoản 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật: Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Nguyễn Đức Th và bà Đỗ Thị M. Hủy việc kết hôn trái pháp luật theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36, ngày 08/10/1990 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội đã cấp cho ông Nguyễn Đức Th và bà Đỗ Thị M do sai năm sinh của ông Nguyễn Đức Th.

2. Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp và sửa ngày, tháng, năm sinh của ông Nguyễn Đức Th: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Đức Th và bà Đỗ Thị M. Công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa ông Nguyễn Đức Th, sinh ngày 12/03/1971 và bà Đỗ Thị M, sinh ngày 12/08/1972 từ thời điểm ông Th và bà M đăng ký kết hôn tại UBND xã C là ngày 08/10/1990.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Đức Th chịu cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0025729 ngày 15/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

4. Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định giải quyết việc dân sự. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã C;
- VKSND huyện Thạch Thất;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thất
- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Ngọc Sơn

